|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  | *……………………* |

**BÀI 2: GÕ CỬA TRÁI TIM**

**Tiết 17-18-19**

**CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

**- *Xuân Quỳnh-***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Một số đặc điểm của thơ: thể thơ, ngôn ngữ, nội dung…

- Nét độc đáo của bài thơ “ Chuyện cổ tích về loài người” được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, tác dụng của việc sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được sổ tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người.*

+ Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

**3. Về phẩm chất:**

- Tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập ( phục lục đính kèm).

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Gv cho học sinh nghe nhac/ tha gia trò chơi/ chia sẻ quan điểm cá nhân và dẫn dắt vào bài

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV bắt nhịp cho HS hát bài hát “Cả nhà thương nhau”. Sau đó, đặt câu hỏi để HS trả lời:

*+ Liệt kê những nhân vật được nhắc đến trong bài hát? Mối quan hệ của họ là gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS hát; dự kiến câu trả lời.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.

- HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được nội dung của bài học, một số yếu tố của thơ như thể thơ; ngôn ngữ thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ,...

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm thông qua PHT

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv yêu cầu HS đọc SGK trang 38 và trả lời câu hỏi:*+ Tên bài, lời đề từ hướng đến vấn đề nào? Để làm rõ điều đó, bài học đưa vào mấy ngữ liệu? Thể loại chính của các ngữ liệu?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.- HS quan sát SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - GV yêu cầu HS trả lời.- HS trả lời câu hỏi của GV.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn****1. Giới thiệu bài học**- Chủ đề: Tình cảm gia đình- Ngữ liệu:+ Chuyện cổ tích về loài người+ Mây và sóng+ Bức tranh của em gái tôi+ Những cánh buồm- Thể loại chính: Thơ |
| **\* Nhiệm vụ 2:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chiếu PHT số 1 lên màn hình, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi. Từ kết quả thảo luận, gv hỏi: *Thơ có đặc điểm gì?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.- Gv quan sát, gợi ý.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  | **2. Tri thức Ngữ văn: Một số đặc điểm của thơ**- Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định với những đặc điểm riêng về số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài,…- Ngôn ngữ thơ cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, nhân hóa v.v…)- Nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự kiện, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |

**Hoạt động 2: Đọc văn bản “Chuyện cổ tích về loài người”**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được sổ tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người.*

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức hướng dẫn HS khám phá văn bản bằng các PP- KT dạy học nêu vấn đề, hợp tác.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân, kết hợp thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Đọc- tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi*<?> Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Xuân Quỳnh ?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.- HS quan sát SGK/34**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** GV yêu cầu HS trả lời.HS trả lời câu hỏi của GV.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển giao nhiệm vụ khác. | **II. Đọc- tìm hiểu chung****1. Tác giả:**  Xuân Quỳnh (1942- 1988)

|  |  |
| --- | --- |
| - Truyện và thơ của bà viết cho thiếu nhi tràn đầy tình yêu thương, thể hiện qua hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo phù hợp  | **Description: E:\IMG-0570.jpg** |

với suy nghĩ của trẻ em.- TP truyện và thơ viết cho thiếu nhi: *Lời ru trên mặt đất; Bầu trời trong quả;Bến tàu trong thành phố,…* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** *-* GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB.- GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi và hình dung (các hộp chỉ dẫn) - Gv tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật. HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ, mỗi ô là một từ khóa là những chú thích. Chọn trúng từ khóa nào thì học sinh sẽ giải nghĩa từ khóa đó.- GV phát PHT số 2, yêu cầu HS:*+ Chỉ ra đặc trưng của một bài thơ trong "Chuyện cổ tích về loài người"* *+ Xác định bố cục của VB.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV dự kiến nội dung khó khăn với HS để gợi mở, hướng dẫn: vần, nhịp - Hs trao đổi, thảo luận theo bàn.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS báo cáo kết quả. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức**.** | **2. Tác phẩm****-** Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, tự sự- Thể thơ: 5 chữ/ ngũ ngôn- Vần: chân- Nhịp: 2/3, 3/2- Âm điệu: nhịp nhàng- Bố cục: 2 phần+ Phần 1(khổ 1): TG trước khi trẻ em ra đời.+ Phần 2( 2,3,4,5,6,7): Thế giới sau khi trẻ con ra đời. |
| **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản****2.1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thế giới trước và sau khi trẻ con ra đời****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV phát PHT số 3, yêu cầu HS thảo luận, hoàn thành phiếu.*+ Chỉ ra mối quan hệ giữa trẻ con và các sự việc các sự vật, hiện tượng xuất hiện trên thế giới? Từ đó, nhận xét về vai trò của trẻ con?**+ Sự thay đổi về thế giới từ tối tăm sang có ánh sáng chỉ xuất hiện trong bài thơ của Xuân Quỳnh hay còn xuất hiện ở những câu chuyện khác? Nếu có, hãy kể tên những chuyện đó.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận và trả lời câu hỏi;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.Gv bổ sung: Các truyện kể nguồn gốc khác trên thế giới như: truyện Bàn Canh khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người; truyện trong Kinh Thánh về Jehova sáng tạo ra thế giới và con người trong 7 ngày.**2.2. Tìm hiểu vai trò của bố, mẹ, bà đối với trẻ em.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc lại đoạn "Nhưng còn cần cho trẻ..Từ bãi sông cát vàng” .- GV đặt câu hỏi gợi mở*+ Trong VB, món quà tình cảm nào mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ?* *+ Những hình ảnh trong đoạn thơ gợi nhắc cho em những bài cao dao nào? Qua đó, em nhận thấy thông điệp gì mà mẹ muốn gửi đến con là gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận và trả lời câu hỏi- GV quan sát, gợi mở.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ khác.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi bằng PHT số 4*+ Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó là gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận, hoàn thiện PHT- Gv quan sát, gợi mở.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày kết quả thảo luận->nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ khác.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***- Gv yêu cầu Hs đọc đoạn thơ tiếp:**+ Tìm những từ ngữ, hình ảnh nói về bố.* *+ Hãy cho biết tình cảm mà bố dành cho trẻ khác gì tình cảm của bà và mẹ?**+ Từ đây, em rút ra được điều gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS làm việc cá nhân, thực hiện từng nhiệm vụ.- GV quan sát, định hướng.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời từng câu hỏi-> nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv tổ chức cho HS thảo luận chung:*+ Nhan đề “ Chuyện cổ tích về loài người”gợi ra điều gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS trao đổi chung.- GV quan sát, định hướng.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Cá nhân HS chia sẻ ý kiến cá nhân.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, kết luận.  | **III. Tìm hiểu chi tiết**1. ***Thế giới trước và sau khi trẻ con ra đời***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Thế giới trước khi trẻ con ra đời | Thế giới sau khi trẻ con ra đời |
| *Hình ảnh, sự vật, hiện tượng* | *Trái đất trụi trần, chưa có mặt trời* | *Mặt trời nhô cao; cây bằng gang tay, lá bằng sợi tóc, hoa bằng cái cúc; làn gió, dòng sông, biển, đám mây, con đường...* |
| *Màu sắc* | *Màu đen* | *Màu xanh của cỏ, cây, màu đỏ của hoa* |
| *Âm thanh* |  | *Tiếng chim hót* |
| *Ánh sáng* | *"chỉ toàn bóng đêm"* | *Mặt trời chiếu sáng* |
| *Nhận xét* | *Thế giới tối tăm, đơn điệu, tẻ nhạt, hoang sơ* | *Rực rỡ, sinh động, tươi đẹp* |

🡪 Theo cảm nhận của nhà thơ, mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Ngược lại các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn trẻ => trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới**2. Vai trò của bố, mẹ, bà đối với trẻ em*****a. Sự chăm sóc, yêu thương mẹ dành cho con***- Món quà tình cảm chỉ mẹ mới có thể đem đến được cho trẻ:+ Tình yêu: bế bồng chăm sóc;+ Lời ru: những lời ru quen thuộc. Cái bống cái bang -> nhắc nhở các em hãy là người con hiếu thảo, biết yêu thương và giúp đỡ cha mẹ. Cánh cò -> Sự lam lũ, khó nhọc nhưng vẫn giữ tấm lòng trong sạch. Vị gừng dắng -> sự thủy chung, son sắt, tình nghĩa=> Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống cao đẹp: biết yêu thương, nhân ái, sẻ chia, sống tử tế ***b. Câu chuyện bà kể***

|  |  |
| --- | --- |
| Những câu chuyện bà kể | Điều bà gửi gắm |
| Tấm Cám | Ước mơ về xã hội công bằng, ở hiền gặp lành, ở ác gặp quả báo |
| Thạch Sanh | Ước mơ về xã hội công bằng, ở hiền gặp lành, ở ác gặp quả báo |
| Cóc kiện trời | Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh |
| Nàng tiên ốc | Lạc quan, tin tưởng vào những điều tố đẹp |
| Ba cô tiên | Lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp |

🡪 Những câu chuyện cổ tích đó là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.***c. Sự yêu thương, chăm sóc của bố***- Cách yêu thương của bố: bảo cho biết ngoan, dạy cho biết nghĩ, dạy về thế giới xung quanh, cho con hiểu biết- Nếu bà kể cho bé thế giới cổ tích, mẹ yêu thương trẻ, dành cho trẻ sự chăm sóc ân cần và lời ru ngọt ngào thì tình yêu của bố được thể hiện qua sự truyền dạy những tri thức về thiên nhiên và cuộc sống. - Mẹ nuôi dưỡng cho trẻ trái tim ấm áp, yêu thương. Bố giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ- Bố không *bế bồng*, không *kể* như mẹ, như bà mà bố bảo, *dạy* 🡪 vừa nghiêm khắc vừa yêu thương.🡺 Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể hiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.**3. Ý nghĩa nhan đề**- Yếu tố tự sự trong thơ: phương thức biểu cảm kết hợp tự sự.- Gợi liên tưởng tới những câu chuyện về sự xuất hiện của loài người dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc mang màu sắc hoang đường, kì ảo.🡺 Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV phát phiếu học tập số 5, yêu cầu HS thảo luận theo bàn, hoàn thiện PHT*+ Những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?**+ Nội dung, ý nghĩa của văn bản.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.- HS làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).- GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ khác. | **IV. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và màu sắc hoang đường, kỳ ảo.**2. Nội dung- ý nghĩa**-Câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ.- Hãy yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất vì các em chính là tương lai của gia đình, đất nước. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Ô chữ bí mật”

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và thái độ tham gia trò chơi của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv tổ chức trò chơi “Ô chữ bí mật”

Câu 1: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: ... gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác trên cơ sở có nét tương đồng.

Câu 2: Tác giả so sánh tiếng hót của chim trong như cái gì?

Câu 3: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: "....là tâm lí tôn sùng, kính phục, yêu mến khi chứng kiến tài năng hoặc đức độ của ai đó"

Câu 4: Tác giả bài thơ "Chuyện cổ tích về loài người" là ai?

Câu 5: *Bài thơ* "Chuyện cổ tích về loài người" được viết theo thể thơ nào?

Câu 6: Những lời ru của mẹ thường gắn liền với thể loại văn học này?

*Ca dao*

Câu 7: Trước khi trẻ con ra đời, trái đất được nhà thơ miêu tả bằng từ nào?

Câu 8: Theo tác giả, trời sinh ra trước nhất là ai?

- Sau khi học sinh tìm được từ khóa, giáo viên yêu cầu hs nêu cách hiểu về từ này và rút ra bài học cho bản thân

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS theo dõi và tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Mỗi HS trả lời 1 câu hỏi tương ứng. HS trước trả lời sai, HS sau có quyền hỗ trợ.

- GV chiếu đáp án.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  | ***Ẩ*** | ***N*** | ***D*** | ***Ụ*** |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  | ***N*** | ***Ư*** | ***Ớ*** | ***C*** |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  | ***N*** | ***G*** | ***Ư*** | ***Ỡ*** | ***N*** | ***G*** | ***M*** | ***Ộ*** |  |  |  |
| **4** |  |  |  | ***X*** | ***U*** | ***Â*** | ***N*** | ***Q*** | ***U*** | ***Ỳ*** | ***N*** | ***H*** |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  | ***N*** | ***G*** | ***Ụ*** | ***N*** | ***G*** | ***Ô*** | ***N*** |  |  |
| **6** |  |  |  |  | ***C*** | ***A*** | ***D*** | ***A*** | ***O*** |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  | ***T*** | ***R*** | ***Ụ*** | ***I*** | ***T*** | ***R*** | ***Ầ*** | ***N*** |  |  |
| **8** |  |  |  | ***T*** | ***R*** | ***Ẻ*** | ***C*** | ***O*** | ***N*** |  |  |  |  |  |

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Viết kết nối với đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**-** Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người”.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

- GV hướng dẫn HS viết:

+ Tìm đọc đoạn thơ mình thích, xác định nội dung chính, những yếu tố nghệ thuật nổi bật và cảm xúc của em khi đọc

+ Câu mở đầu giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả, nội dung đoạn thơ, cảm xúc chung về đoạn thơ. Câu tiếp theo thể hiện cảm xúc với các khía cạnh nội dung và nghệ thuật khác.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo kết quả ở đầu tiết học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị tiết học sau.

**HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP VĂN BẢN**

**CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ví dụ 1***Trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19, các y, bác sĩ luôn là lực lượng ở tuyến đầu. Căng thẳng, áp lực và nguy cơ lây nhiễm luôn thường trực nhưng những "chiến sĩ áo trắng" vẫn lặng thầm "gánh trên vai" sứ mệnh cao cả, chữa bệnh cứu người của người...Dù bao khó khăn, gian khổ nhưng những "chiến sĩ áo trắng" vẫn lao vào "cuộc chiến với tâm thế sẵn sàng và một trái tim nhiệt huyết nhất vì người dân và đất nước* *(Thông tấn xã Việt Nam)* | **Ví dụ 2***"Chiến sĩ áo trắng thương yêu**Tuyến đầu chống giặc bao điều khó khăn**Hết mình vì Đảng vì dân**"Lương y từ mẫu" mười phân vẹn mười**Trên môi luôn nở nụ cười**Chăm sóc giường bệnh như người thân thương**...**Kiên cường tỏa sáng thanh cao,**Phục hồi sức khỏe biết bao nhiêu người"* *(Phạm Thị Tuyết)* |
| **Điểm chung***…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| **Điểm riêng** |
| *…………………………………………**………………………………………….**…………………………………………* | *...………………………………………………….**……………………………………………………**……………………………………………………* |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| *Đặc trưng* | *Biểu hiện* |
| *Phương thức biểu đạt* |  |
| *Thể thơ* |  |
| *Vần* |  |
| *Nhịp* |  |
| *Âm điệu* |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Thế giới trước khi trẻ con ra đời | Thế giới sau khi trẻ con ra đời |
| Hình ảnh | ………………………………..………………………………..………………………………… | ……………………………………………………………………………….………………………………………. |
| Màu sắc | ………………………………..………………………………… | ………………………………………………………………………………. |
| Âm Thanh | ………………………………..………………………………… | ………………………………………………………………………………. |
| Ánh sáng | ………………………………..………………………………… | ………………………………………………………………………………. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |  |
| --- | --- |
| *Những câu chuyện bà kể* | *Điều bà muốn gửi gắm* |
| *Tấm Cám* | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| *Thạch Sanh* | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| *Cóc kiện trời* | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| *Nàng tiên ốc* | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| *Ba cô tiên* | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| **Nội dung** | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| **Ý nghĩa** | *…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 20**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ.

- Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT dạy học nêu vấn đề hướng HS vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

1. GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: *Em mới vừa chia tay ngôi trường Tiểu học mà mình đã gắn bó 5 năm. Em hãy viết một câu văn miêu tả về chiếc trống trường em khi học sinh nghỉ hè.*

2. Sau đó giáo viên trình chiếu bài "Cái trống trường em" và yêu cầu hs chỉ ra sự khác biệt giữa sản phẩm của mình và ví dụ:

*Cái trống trường em*

*Mùa hè cũng nghỉ*

*Suốt ba tháng liền*

*Trống nằm trống nghĩ...*

*Cái trống lặng im*

*Nghiêng đầu trên giá*

*Chắc thấy chúng em*

*Nó mừng vui quá*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Cá nhân HS thực hiện yêu cầu 1; trao đổi, thảo luận yêu cầu 2.

- GV quan sát, gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm:

+ Hs viết được câu văn miêu tả chiếc trống trường khi học sinh nghỉ hè

+ Chỉ ra sự khác biệt:

Gợi ý: ở ví dụ, sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa...

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về ngôn ngữ thơ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV phát PHT số 1, yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi:*+ Nối cột A với cột B sao cho phù hợp*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** |  | là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt |
| **Nhân hóa** | là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. |
| **Điệp ngữ** | là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |

*+ Lấy một ví dụ về mỗi biện pháp tu từ trên.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ- GV quan sát, gợi ý.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **I. Một số biện pháp tu từ****1. So sánh**- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.**2. Nhân hóa**- *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt**3. Điệp ngữ**- *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng linh hoạt các kĩ thuật dạy học, hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành làm các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Bài tập 1 SGK trang 43 – 44****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv Tổ chức trò chơi: *"Tâm đầu ý hợp"*Gv phổ biến luật chơi và mời một học sinh lên mô tả động tác: Gv có sẵn 4 từ khóa: đi, nhô, nhảy, đá...; học sinh trên bảng mô tả từ khóa bằng hành động và học sinh ở dưới gọi tên hành động đó. - Trò chơi kết thúc, Gv hướng học sinh đến bài tập 1 (nhấn mạnh vào từ “nhô”)- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 43 – 44 ;- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập;- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận ;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập****Bài tập 1 SGK trang 43 – 44:**a. Nghĩa của từ *nhô*- *nhô* (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh🡪 mặt trời nhô cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối.b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.*Nhô* có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ. |
| **\* NV2: Bài tập 2 SGK trang 44****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK trang 44  và làm bài tập bằng cách tổ chức cuộc thi *"Tinh thần đồng đội"*, chia lớp thành 4 nhóm. Nhóm 1-3: Tìm các từ ngữ trong văn bản. Nhóm 2-4: Tìm các từ ngữ ngoài văn bản- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, gợi ý, hướng dẫn.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm thảo luận- theo dõi, nhận xét, bổ sung.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, kết luận. | **Bài tập 2 SGK trang 44**- Những từ trong văn bản: khao khát, thơ ngây, mênh mông,…- Những từ ngoài văn bản: đen đỏ, mơ ước... |
| **\* NV3: Bài tập 3****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB *Chuyện cổ tích về loài người*, hoàn thành bài tập.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày kết quả.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, kết luận. | **Bài tập 3 SGK trang 44**- Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:+ *Cây cao bằng gang tay*, *Lá cỏ bằng sợi tóc*, *Cái hoa bằng cái cúc*, *Tiếng hót trong bằng nước*, *Tiếng hót cao bằng mây*.*Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B)*.*- Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ:Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gắn với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim 🡺 Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ. |
| **\* NV4: Bài tập 4 SGK trang 44****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK trang 44.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày kết quả.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, kết luận. | **Bài tập 4 SGK trang 44**- Biện pháp tu từ: *nhân hóa*;- Tác dụng:+ *Thơ ngây* – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió🡪 Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ. |
| **\* NV5: Bài tập 5 SGK trang 44****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44; đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ* đến *Từ bãi sông cát vắng*; tự làm bài tập.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày kết quả.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, kết luận.- GV hướng dẫn HS chuẩn bị tiết học sau. | **Bài tập 5 SGK trang 44**- Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:+ “rất”+ “Từ cái…”, “Từ…”- Tác dụng:+ “rất” 🡪 Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;+ “Từ cái…”, “Từ…” 🡪 liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi 1-3 HS trình bày đoạn văn.

- HS lắng nghe, cùng nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV khích lệ, động viên, nhận xét

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  |  *……………………* |
|  |  |  |

**Tiết 21-22**

**MÂY VÀ SÓNG**

(Ra-bin-đơ-ra-nátTa-go)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.

- Tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ.

- Đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ,...

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.

+ Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ.

+ Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ,...

**3. Về phẩm chất:**

***-*** Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập ( phục lục đính kèm).

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học; giấy A1 hoặc bảng nhóm, bút dạ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyểngiao nhiệm vụ**

- GV cho học sinh xem video "Thỏ con không vâng lời" và trả lời câu hỏi: Video vừa xem mang đến cho em bài học gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Cá nhân HS quan sát, dự kiến câu trả lời.

- GV định hướng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV tổ chức cho HS chia sẻ.

- HS trình suy nghĩ cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài**.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc- tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a.** **Mục tiêu**:

- Nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi: không quy định số lượng tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, cũng như không yêu cầu có vần, nhịp.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ.

- Nhận diện được đặc điểm nhất quán của tác phẩm: bài thơ là lời yêu thương của nhà thơ dành cho trẻ em, là tình mẫu tử thiêng liêng thấm đượm trong từng yếu tố hình thức như: sự lặp lại có biến đổi trong cấu trúc của bài thơ, giọng điệu tâm tình trò chuyện, các biện pháp tu từ,...

**b.** **Nội dung**:

- GV:

+ Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm.

+ Sử dụng KT đặt câu hỏi, nêu và giải quyết vấn đề; KT dạy học hợp tác, phiếu học tập để hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.

- Hs:

+ Đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

+ Suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** *- Trình bày những hiểu biết chung của em về tác giả* Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go.(Gợi ý: *vị trí, đặc điểm trong phong cách sáng tác*.)**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.HS quan sát SGK.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** GV yêu cầu HS trả lời.HS trả lời câu hỏi của GV.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận, giới thiệu nhanh một số tác phẩm tiêu biểu, chuyển giao nhiệm vụ khác. | **I. Đọc- tìm hiểu chung****1. Tác giả**- Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go(1861 – 1941)- Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. - Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,... |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn cách đọc; yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời các câu hỏi:*+ Đọc bài thơ* ***Mây và sóng****, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em ai đang kể với ai và kể về điều gì?**+ Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?**+ Sự khác biệt về thể thơ của bài so với văn bản “Chuyện cổ tích về loài người” và văn bản “ Nếu cậu muốn có một người bạn”.*- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Cá nhân HS lắng nghe hướng dẫn đọc của GV.- HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi số 1, 2; thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi 3.- GV quan sát, gợi ý HS trả lời câu hỏi 3.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi và dự đoán (các hộp chỉ dẫn)- HS trả lời câu hỏi- theo dõi, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, sửa cách đọc cho HS; kết luận kiến thức. | **2. Tác phẩm**- Người kể chuyện: em bé kể một câu chuyện tưởng tượng của em với mẹ- Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả.- Thể loại: thơ văn xuôi (thơ tự do). |
| **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi để hoàn thiện PHT số 1: Tìm hiểu về thế giới của người sống "trên mây" và "trong sóng". *- Em bé đã làm gì trước lời mời gọi của Mây, Sóng? Em nhận thấy được tâm trạng gì ở em bé? Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trẻ thơ của nhà thơ Ta-go?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS trao đổi cặp đôi hoàn thành PHT; thảo luận chung cả lớp để trả lời câu hỏi.- GV quan sát, hỗ trợ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày kết quả PHT; trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, kết luận. | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”**- Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”:+ Thế giới của những người sống “trên mây”: rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vầng trăng bạc khi đêm về);+ Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).🡪 Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn.- Tâm trạng của em bé+ "làm thế nào để lên đó được”+ “làm thế nào để ra ngoài đó được"-> Tâm trạng háo hức, thích thú, tò mò, muốn khám phá thế giới thần tiên, được vui với những trò thú vị, hấp dẫn🡪 Tác giả miêu tả tinh tế tâm lí trẻ thơ, nếu để em bé từ chối ngay từ đầu có vẻ không phù hợp với tâm lí trẻ thơ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Giáo viên tổ chức thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn phủ bàn.*+ Chỉ ra câu thơ thể hiện việc em bé từ chối lời mời của những người “trên mây” và “trong sóng”? Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của họ? Qua đó em thấy em bé là người con như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Đại diện HS trả lời câu hỏi.- GV gọi đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV liên hệ với “Sự tích cây vú sữa”=> Không phải em nhỏ nào cũng có thế chiến thắng cám dỗ. Cần rút ra bài học cho bản thân. | **2. Lời từ chối của em bé**- Lời từ chối của em bé:*+ Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?**+ Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*🡪 Sự mong mỏi, chờ đợi em về nhà của mẹ đã chiến thắng những cuộc phiêu du. Hay nói cách khác, em bé đã hiểu được tấm lòng của mẹ. Vì thế, với em bé, được ở bên mẹ, làm mẹ vui và được mẹ yêu thương, che chở là niềm hạnh phúc không gì sánh được. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV tổ chức cho Hs thảo luận nhóm, chia lớp thành 4 nhóm.*+ Nhóm 1,3: Trong bài thơ, em bé đã tổ chức mấy trò chơi? Đó là những trò chơi gì? Ý nghĩa của các trò chơi?**+ Nhóm 2,4: Em cảm nhận được gì về tình cảm em bé dành cho mẹ và mẹ dành cho em bé được thể hiện qua những trò chơi ấy?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Gv quan sát, gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm- Hs báo cáo và nhận xét, bổ sung**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **4. Trò chơi của em bé****\* Trò chơi**- Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trùm lên người mẹ;- Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ.-> Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển**\* Tình cảm mẹ con**- Tình cảm em bé dành cho mẹ+ Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ; + Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng;- Tình cảm mẹ dành cho em bé+ Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: *mẹ mình đang đợi ở nhà*, *buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà*;+ Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về;- *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào* -> Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông.-> Đặt tình mẫu tử tương quan với thiên nhiên, vũ trụ -> Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu. |
| **\* Nhiệm vụ 3: HDHS tổng kết****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV nêu câu hỏi: *+ Bài thơ sử dụng yếu tố nghệ thuật đặc sắc nào?**+ Nội dung chính của văn bản?Tình cảm của nhà thơ?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, gợi ý.+ Về nghệ thuật: thể thơ, các biện pháp tu từ, cách xây dựng hình ảnh...+ Về nội dung: Văn bản phản ánh nội dung gì? Qua đó, ta thấy tình cảm của tác giả với trẻ em, với thiên nhiên như thế nào?**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;- Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;- Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.**2. Nội dung- ý nghĩa**Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào làm các bài tập cụ thể nhằm củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập GV giao.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, hoàn thiện PHT số 2 để so sánh hai văn bản.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khác nhau | Chuyện cổ tích về loài người | Mây và sóng |
| Số tiếng trong các dòng | 5 tiếng | Dài ngắn đan xen |
| Số dòng trong một bài | Không giới hạn | Không giới hạn |
| Vần | Vần chân (cuối câu) | Không có vấn |
| Nhịp | Chủ yếu 3/2 | Không có nhịp |
| Giống nhau | Thể hiện tình cảm, cảm xúc, thế giới nội tâm; ngôn ngữ cô đọng, giàu hình ảnh; sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ… |

***=>*** *Mây và sóng* khác *Chuyện cổ tích về loài người* nhưng vẫn được coi là VB thơ vì trừ đặc điểm về số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài, vần, nhịp…thì VB Mây và sóng còn có đặc điểm khác là ngôn ngữ cô đọng, giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ thông qua đó ***thể hiện cảm xúc, thế giới nội tâm*** (tình yêu của em bé dành cho mẹ; tình cảm yêu mến của nhà thơ với trẻ em, với thiên nhiên của nhà thơ).

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện.

- HS nhận nhiệm vụ về nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ: Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà:

+ Viết đúng hình thức và dung lượng

+ Nội dung, đề tài: Cuộc trò chuyện với mây và sóng

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS chia sẻ ở tiết học sau ( nếu có điều kiện)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét thái độ học tập của HS.

- GV hướng dẫn HS về nhà chuẩn bị tiết học sau.

**PHIẾU HỌC TẬP VĂN BẢN MÂY VÀ SÓNG**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Thế giới "trên mây" | Thế giới "trong sóng" |
| .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. | .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |
| Nhận xét: ......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khác nhau | Chuyện cổ tích về loài người | Mây và sóng |
| Số tiếng trong các dòng | .................................................. | ..................................................... |
| Số dòng trong một bài | .................................................. | ...................................................... |
| Vần | .................................................. | ..................................................... |
| Nhịp | .................................................. | ....................................................... |
| Giống nhau | ...................................................................................................................................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
|  *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 23**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Khái niệm, tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ..

- Dấu ngoặc kép

**2. Về năng lực:**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ trong các trường hợp cụ thể;

- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT dạy học nêu vấn đề hướng HS vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv Tổ chức trò chơi: Nhanh như chớp. Luật chơi như sau: Chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm của một đại diện lên bảng. Gv có sẵn các từ khóa là các câu ca dao, tục ngữ. Nhiệm vụ của 2 hs là đọc từ khóa và mô phỏng bằng hình ảnh trên bảng. Hs ở dưới của nhóm nào đoán đúng tên từ khóa chính xác được cộng một điểm. Giải thích được từ khóa sẽ được cộng hai điểm. Từ khóa gợi ý

+ Uống nước nhớ nguồn

+ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

+ Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

+ Ăn cây táo, rào cây sung...

->Từ việc học sinh giải nghĩa từ khóa, gv định hướng đến biện pháp ẩn dụ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia trò chơi, có thể thảo luận về ý nghĩa của từ khóa

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nắm được các khái niệm về ẩn dụ.

- Củng cố lại kiến thức về dấu câu và đại từ đã được học ở Tiểu học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Hướng dẫn tìm hiểu biện pháp ẩn dụ****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu học sinh đọc ví dụ trang 47, chú ý các từ in đậm- Từ các ví dụ, yêu cầu học sinh rút ra khái niệm ẩn dụ- Gv tổ chức cuộc thi nhỏ mang tên "Tinh thần đồng đội", chia lớp thành 2 nhóm, các nhóm tìm những câu thơ, cao dao, tục ngữ khác có sử dụng biện pháp ẩn dụ trong vòng 3', ghi vào giấy hoặc PHT- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ- GV quan sát, gợi ý.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **I. Ẩn dụ**- Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |
| **\* NV2: Hướng dẫn học sinh ôn tập về dấu ngoặc kép và đại từ nhân xưng****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***- Gv tổ chức thảo luận nhóm bằng hình thức nhóm đôi. Gv phát phiếu* ***PHT số 1.*** *Yêu cầu học sinh đọc và trả lời (\*)*

|  |
| --- |
| *“Sáng chủ nhật, ông Mèo đến dọa chúng tôi: “Nếu không có đồ cống lễ thì đám cưới không xong đâu!” Tôi liền sai bọn Chuột đi kiếm một con chim và một con cá đem đến. Chúng tôi muốn đám cưới trót lọt. Nay tôi xin nhận lỗi và xin hứa không bao giờ tái phạm.”* *Câu 1: Dấu ngoặc kép trong câu: “Nếu không có đồ cống lễ thì đám cưới không xong đâu!” có chức năng gì? Ngoài chức năng đó ra thì dấu ngoặc kép còn có chức năng nào khác?**Câu 2: Các nhân vật trong đoạn trích trên xưng hô bằng những từ nào? Những từ ngữ đó gọi chung là gì?*  |

*- Từ ví dụ giáo viên hỏi HS về vai trò của dấu ngoặc kép*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thực hiện nhiệm vụ- GV quan sát, gợi ý.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.(\*)Câu 1: Chức năng của dấu ngoặc kép: Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. Ngoài ra dấu ngoặc kép còn có chức năng khác là: Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo, đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệtCâu 2: Xưng hô bằng: “tôi”, “chúng tôi”-> Đại từ nhân xưng | **2. Dấu ngoặc kép và đại từ nhân xưng****a. Dấu ngoặc kép**- Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;- Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;- Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt;**b. Đại từ nhân xưng**- Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta,...);  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, tổ chức hướng dẫn HS làm bài tập.

- HSSử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép**\* Vòng 1: Nhóm chuyên gia (10 phút)**Gv chia lớp thành 6 nhóm, chia đều thành viên cho các nhóm:Nhóm 1: Làm bài 1Nhóm 2: làm bài 2Nhóm 3: làm bài 3Nhóm 4: Làm bài 4Nhóm 5: Làm bài 5Nhóm 6: Làm bài 6\***Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép (15 phút)**- Hình thành 6 nhóm mới: mỗi nhóm sẽ có đủ thành viên (“chuyên gia”)của các nhóm cũ- Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS suy nghĩ, hoàn thiện bài tập ở vòng chuyên gia; báo báo và lắng nghe ở vòng mảnh ghép- Gv quan sát, bổ sung, hỗ trợ**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- GV học sinh ở các nhóm bất kì báo cáo kết quả, học sinh khác nhận xét, bổ sung- HS trình bày sản phẩm, nhận xét phần trình bày của bạn**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập****Bài tập 1 SGK trang 47**- “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn.- “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí.- “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời**Bài tập 2 SGK trang 47**- Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vầng trăng bạc”: ẩn dụ;- Tác dụng:+ “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng 🡪 gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian.+ “Vầng trăng bạc”: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vầng trăng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc.**Bài tập 3 SGK trang 47**- Điệp ngữ *lăn*🡪 Tác dụng:+ Hình ảnh tả thực: hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác.+ Hình ảnh tả thực: những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát.🡪 Gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.**Bài tập 4 SGK trang 47**- Xác định lời trực tiếp của các nhân vật trong bài thơ:+ Lời của người “trên mây”:+ Lời của người “trong sóng”:+ Lời của em bé đối đáp với người “trên mây” và người “trong sóng”.🡪 Dấu câu được dùng để đánh dấu những lời trực tiếp là dấu ngoặc kép**Bài tập 5 SGK trang 47**- *Bọn tớ* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều;- *Bọn tớ* trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.**Bài tập 6 SGK trang 47**- *Chúng ta*, *bọn mình*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.- *Chúng tôi*, *bọn mình*, *chúng tới*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói.- *Bọn tớ*: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói🡪 Có thể chọn những từ *bọn mình*, *chúng tớ* thay cho *bọn tớ*. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: Em hãy viết một bức thư người bạn thân ở Tiểu học kể về môi trường học tập mới/ kể về người bạn mới quen, trong đó có sử dụng dấu " ", đại từ nhân xưng số ít và số nhiều. Gạch chân vào các đại từ

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

- Gv quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi 1-3 HS trình bày sản phẩm.

- HS lắng nghe, cùng nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV khích lệ, động viên, nhận xét

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 24-25**

**BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

**- *Tạ Duy Anh-***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1. *Tôi và các bạn.*

- Cảm nhận và biết trân trọng tình cảm gia đình.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được tính cách, tâm lí nhân vật

+ Biết phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**3. Về phẩm chất:**

- Tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập ( phục lục đính kèm).

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:** GV đưa ra các câu hỏi tình huống đê’ HS trình bày trải nghiệm và ý kiến vê' cách ứng xử trước thành công, niềm vui của người khác (người thần, bạn bè).

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu vấn đề: *Trong gia đình, khi em có thành tích hoặc niềm vui mới, mọi người sẽ bộc lộ tình cảm như thế nào? Trước những thành công niềm vui của người khác (người thân, bạn bè) em có tình cảm như thế nào và ứng xử ra sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, nhớ lại những cảm xúc, suy nghĩ cá nhân, dự kiến câu trả lời.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi HS trả lời câu hỏi.

- HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức về người kể chuyện ngôi thứ nhất đã được học ở bài 1

- Nhận biết được tính cách, tâm lí nhân vật

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

- Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức hướng dẫn HS khám phá văn bản bằng các PP- KT dạy học nêu vấn đề, hợp tác.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân, kết hợp thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Đọc- tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi*<?> Nêu những hiểu biết của em về tác giả Tạ Duy Anh ?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.- HS quan sát SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** GV yêu cầu HS trả lời.HS trả lời câu hỏi của GV.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình ( chiếu chân dung nhà văn), chuyển giao nhiệm vụ khác. | **I. Đọc- tìm hiểu chung****1. Tác giả:**  **-** Nhà văn Tạ Duy Anh, sn 1959, quê HN- Truyện viết về thiếu nhi của ông trong sáng, đậm chất thơ, giàu ý nghĩa nhân văn... |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** *-* GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng từng đoạn cho đến hết VB.- GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi và hình dung (các hộp chỉ dẫn), đồng thời quan sát các chú thích.- GV nêu câu hỏi:*+ Ai là người kể chuyện?**+ Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?**+ Ngôi kể thứ nhất có lợi thế gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Hs làm việc cá nhân, cặp đôi, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS báo cáo kết quả. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức**.** | **2. Tác phẩm**- Người kể chuyện: người anh- Ngôi kể: ngôi thứ nhất-> Khai thác chiều sâu tâm lí bởi nhân vật tham gia vào tiến trình câu chuyện |
| **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản****2.1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nhân vật cô em gái Kiều Phương****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV phát PHT số 1, yêu cầu HS:*+ Thảo luận nhóm đôi để tìm hiểu về nhân vật người em gái.**+ Nêu đặc điểm ở nhân vật Mèo- Kiều Phương và mình thích nhất? Vì sao?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận hoàn thiện nội dung PHT- Gv quan sát, hỗ trợ nếu cần.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.**2.2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nhân vật người anh trai****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Giáo viên tổ chức thảo luận nhóm đôi bằng PHT số 2 để tìm hiểu về nhân vật người anh trước khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận và hoàn thiện PHT.- GV quan sát, gợi mở.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày kết quả thảo luận.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, nhấn mạnh: Mặc cảm, đố kị là một trạng thái cảm xúc tiêu cực mà bất kỳ ai cũng có thể trải qua. Nhưng mỗi chúng ta cần hiểu để vượt qua, thay đổi theo hướng tích cực “Đừng để con rắn ghen tị luồn vào trong tim. Đó là một con rắn độc, nó gặm mòn khối ốc và làm đồi bại trái tim”**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS: *Hoàn thành PHT số 3 để thấy được sự thay đổi của nhân vật “tôi” đã thay đổi ra sao sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ? Vì sao có sự thay đổi ấy?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS thảo luận, hoàn thiện PHT- Gv quan sát, gợi mở.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trình bày kết quả thảo luận->nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Nhân vật cô em gái- Kiều Phương**- Hãnh diện với cái tên Mèo- Vui vẻ làm việc nhà, vừa làm vừa hát- Thích lục lọi đồ đạc- Mày mò tự chế màu vẽ bằng nguyên liệu có sẵn trong bếp🡪 Dễ thương, trong sáng, chăm chỉ, sáng tạo, có tài năng hội họa, nhân hậu, quý mến anh trai**2. Nhân vật người anh trai** ***a. Nhân vật người anh trai trước khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ******\* Trong cuộc sống hàng ngày với em gái***- Gọi em là Mèo (vì mặt em luôn bị chính nó bôi bẩn).- Luôn để ý từng tí một (thấy em hay lục lọi đồ với một sự thích thú).- Bí mật theo dõi việc chế thuốc vẽ của em.🡪 Tò mò, xét nét, coi thường, khó chịu về em***\* Khi tài năng hội họa của em gái được phát hiện****- Thái độ của mọi người****+*** Chú Tiến Lê: mặt rạng rỡ, cho rằng bé là một thiên tài hội hoạ.+ Bố: ngây người ra như không tin vào mắt mình, không kìm được, ôm thốc bé lên+ Mẹ: không kìm được xúc động.🡪 Mọi người ngạc nhiên, xúc động, hãnh diện, tự hào khi phát hiện thấy tài năng hội hoạ của bé Kiều Phương.- Thái độ của người anh+ Lúc ngồi trên bàn học, chỉ ***muốn gục*** ***khóc****+* Không tìm thấy ở mình một tài năng gì.+ Khó chịu, gắt gỏng+ Không thân với Mèo như trước nữa 🡪 Tự ái, mặc cảm, tự ti và có phần đố kỵ với người em***b. Nhân vật người anh sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ***- Ngỡ ngàng: ngạc nhiên cao độ, bức tranh vẽ về mình chứ không phải là ai khác trong gia đình. Không ngờ mình được em gái rất yêu quý và tôn trọng. Bức tranh đẹp ngoài sức tưởng tượng của cậu bé..- Hãnh diện: Trong mắt em, mình thật hoàn hảo và đẹp đẽ. Em gái mình là một tài năng hội hoạ rất đặc biệt.- Xấu hổ: Vì nhận thấy trước đó mình quá ích kỉ, nhỏ nhen, hẹp hòi, đã coi thường, đố kị với em.- “Muốn khóc quá”: sung sướng, hạnh phúc, xen lẫn sự xấu hổ, khác với tiếng khóc lúc đầu: đau khổ, ghen tị, đố kị với em.=> Được thức tỉnh, nhận ra hạn chế của mình và tình cảm cao đẹp, sự nhân hậu của em. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV nêu câu hỏi: *+ Chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc của văn bản.**+ Nội dung, ý nghĩa của văn bản?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, gợi ý.+ Về nghệ thuật: ngôi kể, cách kể...+ Về nội dung: Văn bản phản ánh nội dung gì? Qua đó, tác giả nhắn nhủ gì với chúng ta?**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- Kể chuyện bằng ngôi thứ nhất tạo nên sự chân thật cho câu chuyện- MT chân thực diễn biến tâm lí nhân vật.**2. Nội dung- ý nghĩa**- Đề cao tình cảm yêu thương gia đình- Tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét, đố kị. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Ô chữ bí mật”

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và thái độ tham gia trò chơi của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức trò chơi "Ô chữ bí mật" :

1. Đây là một bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng?
2. Tên nhân vật họa sĩ đã phát hiện ra tài năng của bé Mèo?
3. Điền từ còn thiếu vào câu ca dao

Anh em như thể...

Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần

1. Điền từ còn thiếu vào câu ca dao

Khôn ngoan đối đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau

1. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: "...là tài năng nổi bật, hơn hẳn mọi người, dường như là được trời phú cho".
2. Tác giả của truyện ngắn *"Bức tranh của em gái tôi là ai"?*
3. Truyện ngắn *"Bức tranh của em gái tôi là ai"? Được kể theo ngôi thứ mấy*

*- Sau khi từ hàng dọc lật mở, gv hỏi: Em hãy kết nối một vài ô chữ hàng ngang và từ khóa để đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi để tìm ra ô hàng dọc, hàng ngang.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS theo dõi và tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Mỗi HS trả lời 1 câu hỏi tương ứng. HS trước trả lời sai, HS sau có quyền hỗ trợ.

- GV chiếu đáp án.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | M | Â | Y | V | À | S | Ó | N | **G** |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  | T | **I** | Ế | N | L | Ê |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  | T | **A** | Y | C | H | Â | N |
| **4** |  |  |  |  |  | Đ | Ố | I | **Đ** | Á | P |  |  |  |
| **5** |  | T | H | I | Ê | N | T | À | **I** |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  | T | Ạ | D | U | Y | A | **N** | H |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  | T | **H** | Ứ | N | H | Ấ | T |

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Viết kết nối với đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn theo yêu cầu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu vấn đề:

+ *Từ các VB “****Chuyện cổ tích về loài người”****, “****Mây và sóng”****, “****Bức tranh của em gái tôi”****, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt ý: tình yêu thương, lòng vị tha, sự thấu hiểu sẽ gắn kết mọi người lại với nhau.

**HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP VĂN BẢN**

**BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Nhân vật cô em gái** |
| Tên gọi | .............................................................................................................. |
| Ngoại hình | ............................................................................................................................................................................................................................ |
| Thái độ, hành động | .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |
| Tài năng | ............................................................................................................................................................................................................................ |
| *Nhận xét:* ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Nhân vật người anh trước khi xem bức chân dung**

**Trong cuộc sống hằng ngày với em gái**

**Khi phát hiện tài năng**

**của em**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Thái độ của**

**người anh**

 …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Thái độ của**

**Mọi người**

 …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**



|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 26-27**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC**

**VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

- Các bước viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt: Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập ( phục lục đính kèm).

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề, đặt câu hỏi, định hướng HS nhiệm vụ trọng tâm của bài học.

- HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu vấn đề:

*<?> Trong chủ đề Gõ cửa trái tim, em ấn tượng với bài thơ nào nhất? Vì sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, nhớ lại những cảm xúc, suy nghĩ cá nhân, dự kiến câu trả lời.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi 4-5 HS trả lời câu hỏi.

- Học sinh chia sẻ quan điểm, suy nghĩ của bản thân.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

- Các bước viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

-Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức hướng dẫn HS khám phá bài học bằng các PP- KT dạy học nêu vấn đề, hợp tác.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân, kết hợp thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1: HDHS phân tích bài viết tham khảo.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn bằng PHT số 1.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin, thảo luận, hoàn thành phiếu.- HS đọc bài viết tham khảo, tiến hành thảo luận, ghi lại kết quả.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - GV gọi 2-3 nhóm trình bày kết quả thảo luận-> nhận xét, bổ sung.- HS trả lời câu hỏi của GV.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển giao nhiệm vụ khác. | **1. Phân tích bài viết tham khảo**  |
|

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Vị trí****(từ…đến…)** | **Nhiệm vụ** | **Từ khóa** |
| Mở đoạn | Nhan đề…bất diệt | Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả | Mây và sóng, Ta-go |
| Thân đoạn | Đi theo câu chuyện…mẹ của mình | Thể hiện cảm xúc chung về bài thơ | Đồng cảm,  |
| Em bé…vĩnh cửu | Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng | Xa rộng, bao la; những câu hỏi,lời từ chối… |
| Qua những lời thoại…của mình | Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ | Kể tuần tự, lặp lại, biến hóa |
| Kết đoạn | Nói chung…của mẹ | Khái quát lại cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo của nó | Cảm động, hạnh phúc.. |

 |
| **\* NV2: HDHS tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV nêu câu hỏi:*+ Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS dựa trên kết quả đã có ở nhiệm vụ 1, kết hợp khai thác SGK/52.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức ( màn hình). | **2. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**- Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả;- Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ;- Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;- Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng PHT số 2, hướng dẫn HS thực hành theo các bước.

- HS dựa trên sự hướng dẫn của GV, thảo luận nhóm, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, đoạn văn đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: Trước khi viết****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ+ Yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.+ Hướng dẫn HS tìm ý: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn bài thơ, tìm ý cho đoạn văn theo PHT số 2.+ Lập dàn ý cho đoạn văn theo bảng gợi ý- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận hoàn thiện nội dung PHT 2.- Gv quan sát, gợi ý: Để làm bài tập tốt hơn, em hãy đọc lại một trong hai VB *Chuyện cổ tích về loài người* và *Mây và sóng*, tìm ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.**\* NV2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ+ Gv phát bảng kiểm để học sinh định hướng viết đoạn+ Gv hướng dẫn thêm về cách viết đoạn văn+ Học sinh tự rà soát, chỉnh sửa bài viết của mình và của bạn theo bảng kiểm- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS làm việc cá nhân viết đoạn văn dựa trên gợi ý và bảng kiểm; làm việc cặp đôi chỉnh sửa bài viết cho nhau.- GV quan sát, nhắc nhở, lưu ý HS theo mục 2/ SGK/54.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- GV gọi 3-4 HS đọc đoạn văn.- Lớp lắng nghe, theo dõi, đánh giá trên bảng kiểm.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói. | **3. Thực hành viết****a. Trước khi viết**- Lựa chọn bài thơ- Tìm ý;- Lập dàn ý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành phần** | **Nội dung** |
| Mở đoạn |  |
| Thân đoạn |  |
|  |
|  |
| Kết đoạn |  |

**b. Viết bài**- Học sinh viết bài**c. Chỉnh sửa bài viết**- Chỉnh sửa theo bảng kiểm |

**HỆ THỐNG PHT VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Vị trí****(từ…đến…)** | **Nhiệm vụ** | **Từ khóa** |
| Mở đoạn | .......................................................................................................................... | .................................................................................................................................................................. | ................................................................................................................................................ |
| Thân đoạn | .......................................................................................................................... | .................................................................................................................................................................. | ............................................................................................................................................... |
| .......................................................................................................................... | .................................................................................................................................................................. | .............................................................................................................................................. |
| .......................................................................................................................... | .................................................................................................................................................................. | ................................................................................................................................................ |
| Kết đoạn | .......................................................................................................................... | .................................................................................................................................................................. | ................................................................................................................................................ |

 **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Bài thơ đó có tên là gì? Tác giả là ai? | ................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
| Nội dung của bài thơ là gì? Cảm xúc chung của em với bài thơ? | .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
| Các chi tiết tự sự trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | ...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
| Các chi tiết miêu tả trong bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ | .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
| Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ | ................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của đoạn văn** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Mở đoạn | - Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.- Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả- Cảm xúc chung về bài thơ. |   |
| Thân đoạn | - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng - Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ |   |
| Kết đoạn | - Khái quát lại cảm xúc chung của người viết về bài thơ- Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn. |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của đoạn văn** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Mở đoạn | - Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.- Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả- Cảm xúc chung về bài thơ. |   |
| Thân đoạn | - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng - Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ |   |
| Kết đoạn | - Khái quát lại cảm xúc chung của người viết về bài thơ- Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn. |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 28**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ**

**MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Các bước trình bày ý kiến về một vấn đề trong gia đình

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

+ Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu khảo sát.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng phiếu khảo sát, đặt câu hỏi, định hướng HS nhiệm vụ trọng tâm của bài học.

- HS hoàn thành phiếu khảo sát.

**c. Sản phẩm:** Phiếu khảo sát đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV phát cho học sinh một phiếu khảo sát bao gồm 10 câu.

|  |
| --- |
| PHIẾU KHẢO SÁT |
| TT | Câu hỏi | Đáp án |
| 1 | Em là con thứ mấy trong gia đình? | Thứ 🞏 |
| 2 | Em có được tôn trọng sở thích không? | Có 🞏 Không 🞏 |
| 3 | Em dễ mâu thuẫn với ba hay với mẹ? | Ba 🞏 Mẹ 🞏 |
| 4 | Ai là người hay la mắng em? | Ba 🞏 Mẹ 🞏 |
| 5 | Em đã bao giờ nói năng không đúng chuẩn mực với ba mẹ chưa? | Có 🞏 Không 🞏 |
| 6 | Em có tự giác làm việc nhà không? | Có 🞏 Không 🞏 |
| 7 | Đã bao giờ vì em mà bố mẹ mâu thuẫn chưa? | Có 🞏 Không 🞏 |
| 8 | Đã bao giờ em nói “Con sai rồi! Con xin lỗi ba mẹ” chưa? | Có 🞏 Không 🞏 |
| 9 | Mỗi khi em mắc lỗi, phản ứng của ba mẹ là gì? | ………………………....................................………………………................................... |
| 10 | Nếu em sai, em mong muốn nhận được phản ứng như thế nào từ ba mẹ? | ………………………...................................………………………................................... |
| **Em sẵn sàng bàn luận cùng các bạn về một vấn đề trong đời sống gia đình chứ?** |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS hoàn thành phiếu.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi 4-5 HS báo cáo kết quả khảo sát.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Các bước trình bày ý kiến về một vấn đề trong gia đình

**-** Biết cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức cho HS thực hành nói theo nhóm tổ, thực hành nói trước lớp, đánh giá bài nói.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: HDHS chuẩn bị bài nói****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv chuyển giao nhiệm vụ+ GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe;+ GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: Dựa vào phiếu khảo sát, d*ựa vào chính trải nghiệm của em hoặc tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo, các phương tiện nghe nhìn để có cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói; em có thể chuẩn bị thêm tranh ảnh, bài hát, v.v… về gia đình để minh họa cho bài nói*.- GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm tổ, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.- HS tiếp nhận hiện nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.- Các nhóm luyện nói( theo tổ).**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - GV gọi HS trao đổi những khó khăn khi luyện nói; những giải pháp khắc phục.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của HS. | **1. Trước khi nói**- Lựa chọn đề tài, nội dung nói;- Tìm ý, lập ý cho bài nói;- Chỉnh sửa bài nói;- Tập luyện. |
| **\* NV2: HDHS trình bày bài nói****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV gọi một số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Cá nhân HS sẵn sàng trình bày bài nói.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- 3 HS trình bày bài nói trước lớp. - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, lưu ý HS những yếu tố ngoài ngôn ngữ khi thực hiện nói. | **2. Trình bày bài nói.** |
| **\* NV3: HDHS rút kinh nghiệm sau khi nói****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV tổ chức cho HS trao đổi vê' nội dung và cách thức trình bày bài nói vói hai tư cách: người nói và người nghe.+ *Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Nếu có thể, em muốn thay đổi điếu gì trong phần trình bày của mình?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- Cá nhân HS sẵn sàng chia sẻ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- 3-5 HS chia sẻ trước lớp. - GV, HS lắng nghe.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, lưu ý HS khắc phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế khi thực hiện một bài nói. | **3. Trao đổi về bài nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Học sinh quay video bài nói của mình

**c. Sản phẩm học tập:** Video của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ

*+ Yêu cầu học sinh quay video bài nói của mình*

*+ Lưu ý: Hs có thể quay đi quay lại nhiều lần để chọn ra video phù hợp*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS nộp sản phẩm qua zalo hoặc mail cho GV.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá ý thức học của HS ở tiết học sau.

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết ôn tập.

+ Dãy bàn 1:Vẽ sơ đồ tư duy về truyện và truyện đồng thoại.

+ Dãy bàn 2: Vẽ sơ đồ tư duy về thơ, đăc điểm của thơ.

->Lưu ý: Thực hiện ra giấy A2 ( nửa tờ tô ki)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 29-30**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

Ôn tập, củng cố kiến thức cơ bản trong hai bài “ Tôi và các bạn ” và “ Gõ cửa trái tim”. Cụ thể:

- Một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Một số đặc điểm của thơ.

- Từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB.

- Ân dụ và tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.

- Yêu cầu, các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

+ Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

+ Nhận biết và bước đẩu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thê’ hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

+ Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB.

+Nhận biết được ẩn dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.

+ Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB bảo đảm các bước.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập

**2. Học sinh:** SGK, chuẩn bị trước nội dung bài học theo hướng dẫn của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:**

- GV kĩ thuật đặt câu hỏi, hướng HS đến nội dung bài học.

- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

*+ Ở bài 1 và bài 2, em đã được học những thể loại văn học nào? Những điều em còn băn khoăn về việc tiếp nhận các văn bản thuộc thể loại ấy?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi 4-5 HS chia sẻ hiểu biết và khó khăn của mình theo gợi ý.

- GV, HS khác cùng theo dõi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Một số đặc điểm của thơ.

- Từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB.

- Ân dụ và tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.

- Yêu cầu, các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**b. Nội dung:**

- GV

+ Tổ chức cho HS trình bày sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để ôn tập tri thức Ngữ văn về truyện, truyện đồng thoại; đặc điểm của thơ.

+ Sử dụng trò chơi mảnh ghép để HS ôn tập lại các tri thức về từ đơn, từ phức, ẩn dụ.

+ Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi để HS ôn tập về yêu cầu, các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

 - HS tiếp nhận nhiệm vụ làm việc nhóm, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy, mảnh ghép, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - Gv chuyển giao nhiệm vụ+ Tổ chức cho HS trình bày sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để ôn tập tri thức Ngữ văn về truyện, truyện đồng thoại; đặc điểm của thơ.+ Sử dụng trò chơi mảnh ghép để HS ôn tập lại các tri thức về từ đơn, từ phức, ẩn dụ.+ Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi để HS ôn tập về yêu cầu, các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.- HS tiếp nhận hiện nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS tiếp nhận nhiệm vụ làm việc nhóm, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.- GV quan sát, hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS:+ Đại diện 2 dãy bàn lên bảng dán và trình bày sơ đồ tư duy.+ Đại diện 4 tổ lên chơi trò chơi mảnh ghép.+ Cá nhân HS huy động, nhắc lại kiến thức.- GV quan sát, hướng dẫn HS nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của HS. | **1. Truyện và truyện đồng thoại**( sơ đồ tư duy)**2. Một số đặc điểm của thơ**( sơ đồ tư duy)**3. Từ đơn, từ phức**( mảnh ghép)**4. Biện pháp tu từ ẩn dụ** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết và bước đẩu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thê’ hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong VB.

- Nhận biết được ẩn dụ và hiểu tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB bảo đảm các bước.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng PHT hướng dẫn HS củng cố bài học.

- HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành PHT.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Nhiệm vụ 1: HDHS thực hành luyện tập phần đọc và tiếng Việt**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv phát các phiếu học tập số 1 và số 2, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn thành

( phụ lục)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS nộp sản phẩm qua zalo hoặc mail cho GV.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án phiếu học tập số 1 và phiếu học tập số 2 ( màn hình):

**Đáp án phiếu số 1:**

**Câu 1:**

- Người kể chuyện: Dế Mèn

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất.

- Tác dụng: người kể chuyện trực tiếp tham gia vào câu chuyện sẽ tạo ra sự chân thực cho truyện được kể, đồng thời giúp tác giả dễ dàng trong việc khai thác chiều sâu tâm lí nhân vật.

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hình dáng | Hành động | Ý nghĩ |
| *- chàng dế thanh niên cường tráng**+ càng: mẫm bóng**+ vuốt: cứng, nhọn hoắt**+ cánh: dài tận chấm đuôi* *một màu nâu bóng mỡ**+ đầu: to, rất bướng**+ răng: đen nhánh**+ râu: dài, cong* | *- đạp phanh phách* *- vũ lên phành phạch**- nhai ngoàm ngoạp**- trịnh trọng vuốt râu* | - *lấy làm* *hãnh diện* |

**Câu 3:**

- Các phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn:

+ *Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.*

*+ Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*

* Phép so sánh được sử dụng gợi hình ảnh khỏe khoắn của Dế Mèn, đem đến ấn tượng về một chàng dế thanh niên hùng dũng, có sức mạnh, mang sự cường tráng

**Câu 4:**

* Em đồng ý với ý kiến đó
* Chứng minh: Sự cường tráng thể hiện qua hình dáng và hành động

+ Hình dáng: Đôi càng nhẵn bóng; vuốt: cứng, nhọn hoắt; đôi cánh: dài; đầu to nổi từng tảng; hai răng đen nhánh; râu dài uốn cong.

+ Hành động: Đạp phanh phách, vỗ cánh phành phạch, nhai ngoàm ngoạp, trịnh trọng vuốt râu.

* Vẻ đẹp cường tráng, trẻ trung, đầy sức sống, tự tin, yêu đời của Dế Mèn.

**Đáp án phiếu số 2:**

 **Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: Biểu cảm

 **Câu 2**: Đoạn thơ ca ngợi ý nghĩa của lời ru và tấm lòng yêu thương, những hi sinh lớn lao của mẹ với con.

 **Câu 3**:

- Hình ảnh ẩn dụ: “*Cái khuyết* ” chỉ người con bé bỏng, chưa phát triển toàn diện.

- Tác dụng:

 + Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cách diễn đạt thêm gợi hình, gợi cảm.

 + Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, nâng niu của mẹ dành cho con.

 + Thể hiện tình yêu, biết ơn trân trọng của tác giả với người mẹ tần tảo; đồng thời tác giả ca ngợi, tình mẫu tử thiêng liêng.

**Câu 4: Những thông điệp qua đoạn thơ HS có thể rút ra:**

- Hãy yêu thương, kính trọng, biết ơn người mẹ vì mẹ đã hi sinh cả đời cho con.

- Cần lưu giữ lời ru, vì đó là trí tuệ, tâm hồn, vẻ đẹp của người Việt.

- Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, bất diệt...

**\* Nhiệm vụ 2: HDHS thực hành luyện tập phần viết**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV giao đề bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm tổ xác định yêu cầu, tìm ý, lập dàn ý.

+ Tổ 1+ 3: Kể về một lần em được về thăm người thân ở quê nhà.

+ Tổ 2+ 4: Kể về một trải nghiệm của em với một con vật nuôi mà em yêu thích.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, ghi ra dàn ý ra bảng nhóm.

- GV quan sát, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả-> nhận xét chéo.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, cho HS tham khảo đáp án ( màn hình)

 **Đề 1:** Kể về một lần em được về thăm người thân ở quê nhà.

**a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**

-  **Đọc và xác định yêu cầu đề bài**, **lựa chọn trải nghiệm** mà em có ấn tượng sâu sắc về một người thân (cha, mẹ, ông, bà,...).

- **Nhớ lại các chi tiết**về trải nghiệm và **cảm xúc, suy nghĩ** của em qua trải nghiệm,

- **Tìm các tư liệu, tranh, ảnh** liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

**b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**

***\* Tìm ý***

**- Sự việc chính:**

+ Đó là sự việc: em từ thành phố trở về quê thăm ông nội sau bao ngày xa cách.

+ không gian, địa điểm diễn ra: nơi đầu làng ông ra đón, cảnh tượng quê nhà hiện lên cánh đồng, lũy tre, con đường làng, cây đa, tháp chuông nhà thờ...

+ thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...

- **Nhân vật**

+ Hình ảnh ông em ngóng đợi nơi đầu làng. Ông hiện ra trước mắt em với vóc dáng, trang phục, mái tóc, ...thân quen xúc động ra sao

+ Em và ông đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? (chào hỏi, âu yếm ngắm nhìn, ngỡ ngàng nhận ra những đổi thay của ông, ...

- **Cốt truyện:**

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?

(sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Trải nghiệm về thăm quê, thăm ông cho em nhận ra tình yêu thương, những hi sinh của ông quê hương là nơi trở về..

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...

**\* Lập dàn ý**

**- Mở bài:** Giới thiệu trải nghiệm về thăm quê trong kì nghỉ hè của mình. Nhân vật: ông nội, sự việc chính là về thăm quê trong kì nghỉ hè.

**- Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bắt đầu có ý tưởng về quê thăm ông, đến lúc trên đường về, lúc gặp ông, những ngày ở trên quê, khi kì nghỉ kết thúc...

+Không gian: ở thành phố ồn ào, trên đường về quê, lúc ở trên quê nơi đầu làng, bến sông...

+ Trải nghiệm thú vị nào:

+ + được đi xe khách một mình

+ + Được ông ra đầu làng đón, cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên làng quê, về hình ảnh người ông mộc mạc giàu tình cảm.

+ + Được tham gia nhiều hoạt động trong kì nghỉ: như chăm vườn cây, nấu ăn, câu cá cùng ông, chạy lúa hộ bác...

+ + Nhân vật ông được hiện lên trong lời kể: từ vóc dáng, đôi bàn tay, mái tóc; đến những cử chỉ ánh nhìn, lời khen với cháu. Hình ảnh ông hiện lên giản dị, cháu cảm nhận được vẻ đẹp của tình cảm ông cháu.

+ Bài học sâu sắc cháu nhận ra: tình ông cháu, bài học về tình người, giá trị của hòa bình....

+ Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng háo hức khi về quê, xúc động trước tình yêu và sự quan tâm của ông...

**- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về hình ảnh người ông, về trải nghiệm thăm quê.

**Đề 2:** **Kể về một trải nghiệm của em với một con vật nuôi mà em yêu thích.**

 **a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.**

-  **Đọc và xác định yêu cầu đề bài**, **lựa chọn trải nghiệm** mà em có ấn tượng sâu sắc về một **con vật nuôi mà em yêu thích: chú chó Milo**

- **Nhớ lại các chi tiết**về trải nghiệm và **cảm xúc, suy nghĩ** của em qua trải nghiệm: Milo đã cứu em thoát chết

- **Tìm các tư liệu, tranh, ảnh** liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

**b. Bước 2:** **Tìm ý, lập dàn ý**

**\* Tìm ý**

**- Sự việc chính:**

+ Đó là sự việc: em đi tắm sông, bị chuột rút chân, chìm xuống, em được Milo cứu.

+ không gian, địa điểm diễn ra: con sông trước cửa nhà em

+ thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...

- **Nhân vật**

+ Hình ảnh chú chó Milo: giống chó, bộ lông, huyền đề ở chân, đôi mắt...

+ Em và Milo đã có sự gắn bó thế nào: cảm nhận của em về ý nghĩ, hành động, cử chỉ gì của Milo lúc ở nhà, lúc ở bến sông? (chào hỏi khi đi học về, âu yếm ngắm nhìn, lấm lét nhìn trộm khi bị em quát, lo lắng khi thấy em bơi...

- **Cốt truyện:**

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?

(sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Trải nghiệm Milo cứu em thoát chết, em nhận ra tình yêu thương, sự dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì bạn của Milo...

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...

**\* Lập dàn ý**

**- Mở bài:** Giới thiệu trải nghiệm với chú chó Milo của mình. Nhân vật: Milo, sự việc chính là em được Milo cứu.

**- Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: lúc bà tặng, lúc đi học về, khi xảy ra sự việc đi tắm sông, sau sự việc được cứu...

+ Không gian: bên bờ sông, ồn ào...

+ Trải nghiệm thú vị nào:

++ được đi tắm sông, thi bơi với các bạn

+ + Ngắm nhìn Milo lúc đang bơi, cảm nhận thấy khó khăn khi bơi.

+ + Nhiều người vây quanh khi tỉnh lại. Xúc động vì được Milo cứu...

+ + Nhân vật Milo được hiện lên trong lời kể: Miêu tả về bộ lông, chân huyền đề, động tác vui mừng, lúc sợ hãi của nó....

+ Bài học sâu sắc cháu nhận ra: tình yêu động vật, ý nghĩa của tình bạn

+ Cảm xúc nhân vật cháu: bộc lộ qua tâm trạng vui sướng khi được chơi cùng Milo, hạnh phúc, biết ơn Milo...

**- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về trải nghiệm với con vật nuôi, bài học về cách đối xử với động vật.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi 1,2,3,4:**

   “*Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Ðôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Ðôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”*

*(*“*Bài học đường đời đầu tiên*” –*Tô Hoài)*

**Câu 1**: Truyện được kể qua lời của nhân vật nào? Ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể đó?

**Câu 2**: Những chi tiết nào miêu tả hình dáng, hành động, ý nghĩ của nhân vật ?

**Câu 3**: Liệt kê các phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn và nêu tác dụng ?

**Câu 4**: Đoạn văn đề cập tới vẻ đẹp ngoại hình của Dế Mèn, có ý kiến cho rằng: “Dế Mèn có vẻ đẹp của một thanh niên cường tráng”. Em có đồng ý với ý kiến đó không, hãy chứng minh.

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

 Ru cho mềm ngọn gió thu
Ru cho tan đám sương mù lá cây
Ru cho cái khuyết tròn đầy
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu
Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.

Ru cho sóng lặng bãi bồi
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

 (Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

 **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?

 **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ

 **Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

 Ru cho cái khuyết tròn đầy
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

 **Câu 4:** Đọc đoạn thơ, em rút ra những thông điệp nào cho bản thân?

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |